

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM 2-9 TP.HỒ CHÍ MINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP. Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP. Hồ Chí Minh được chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 736/QĐ-TTg ngày 15 tháng 06 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 Hồ Chí Minh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000594 ngày 10 tháng 09 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 26 tháng 03 năm 2012.

Trụ sở được đặt tại 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 55.500.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, gia công sản xuất bao bì dược phẩm;
- Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật;
- Cho thuê mặt bằng;
- Đầu tư, kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở;
- Cho thuê văn phòng.
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Chu Mai Hào	Chủ tịch
Ông Cáp Hữu Ánh	Phó Chủ tịch
Bà Trương Thị Thái Hòa	Thành viên
Ông Cao Tứ Tài	Thành viên
Ông Bùi Ngọc Thắng	Thành viên
Bà Trịnh Bích Dung	Thành viên
Ông Phạm Vương Bắc	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Cáp Hữu Ánh	Tổng Giám đốc
Bà Trương Thị Thái Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Bích Dung	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

6. Ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2013.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHU MAI HÀO

Số: 13.209/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 19 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP. Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 24 kèm theo. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP. Hồ Chí Minh vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2013

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

KIỂM TOÁN VIÊN

LỤC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

PHẠM THỊ BÍCH HẠNH
Chứng chỉ KTV số 1505/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		77.820.290.301	74.738.290.234
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	10.965.819.097	15.703.970.489
1. Tiền	111		3.965.819.097	2.703.970.489
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	13.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.2	29.243.273.685	29.971.414.994
1. Phải thu khách hàng	131		28.359.353.639	27.903.697.463
2. Trả trước cho người bán	132		921.707.352	1.065.103.201
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		429.650.886	1.002.614.330
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(467.438.192)	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	37.417.597.394	28.943.749.823
1. Hàng tồn kho	141		37.740.770.014	29.153.408.140
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(323.172.620)	(209.658.317)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		193.600.125	119.154.928
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		120.865.852	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		72.734.273	119.154.928

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		97.574.583.052	82.988.179.170
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		50.895.044.020	44.397.294.624
1. TSCĐ hữu hình	221	5.4	38.716.618.742	38.183.096.778
+ Nguyên giá	222		93.817.553.907	90.634.210.924
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.100.935.165)	(52.451.114.146)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.5	4.589.050.091	4.726.081.511
+ Nguyên giá	228		5.268.716.851	5.268.716.851
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(679.666.760)	(542.635.340)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	7.589.375.187	1.488.116.335
III. Bất động sản đầu tư	240	5.7	31.661.208.425	31.875.932.852
+ Nguyên giá	241		43.980.869.978	40.965.282.178
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(12.319.661.553)	(9.089.349.326)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	14.190.000.000	6.269.218.579
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		14.100.000.000	6.179.218.579
3. Đầu tư dài hạn khác	258		90.000.000	90.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		828.330.607	445.733.115
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.8	783.676.064	401.078.572
3. Tài sản dài hạn khác	268		44.654.543	44.654.543
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		175.394.873.353	157.726.469.404

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		64.656.770.532	51.356.592.489
I. Nợ ngắn hạn	310		54.905.010.511	40.864.176.506
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	25.322.981.797	17.103.668.056
2. Phải trả người bán	312		8.949.110.462	7.874.243.782
3. Người mua trả tiền trước	313		24.519.232	36.277.134
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	3.962.663.898	2.182.131.050
5. Phải trả người lao động	315	5.11	6.464.555.784	2.857.756.982
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	6.177.129.694	6.797.826.998
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.13	4.004.049.644	4.012.272.504
II. Nợ dài hạn	330		9.751.760.021	10.492.415.983
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.14	2.297.696.320	2.230.309.400
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	7.454.063.701	7.962.055.274
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	300.051.309
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		110.738.102.821	106.369.876.915
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	110.738.102.821	106.369.876.915
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.500.000.000	55.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.380.542.000	17.380.542.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.741.833.194	21.884.124.633
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.550.000.000	5.214.737.878
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		9.565.727.627	6.390.472.404
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		175.394.873.353	157.726.469.404

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		37.401.958	37.401.958
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.396.500	1.396.500
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		0,92	0,92
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG*TP.Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2012***TỔNG GIÁM ĐỐC****TRỊNH BÍCH DUNG****CÁP HỮU ẢNH**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	145.311.745.002	139.727.951.195
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.017.668.158	1.459.319.005
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		142.294.076.844	138.268.632.190
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	86.031.444.232	92.839.820.577
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.262.632.612	45.428.811.613
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.478.086.044	2.451.237.447
7. Chi phí tài chính	22	6.4	3.230.781.758	4.105.253.372
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		3.056.583.255	4.019.360.955
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	17.756.831.764	11.888.919.365
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	13.735.665.918	10.733.113.405
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.017.439.216	21.152.762.918
11. Thu nhập khác	31		824.340.268	328.582.820
12. Chi phí khác	32		394.951.937	170.816.507
13. Lợi nhuận khác	40		429.388.331	157.766.313
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.446.827.547	21.310.529.231
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	6.292.656.328	4.509.745.719
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	(382.597.492)	36.901.523
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.536.768.711	16.763.881.989
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	5.16.4	3.160	3.021

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TP.Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC**TRỊNH BÍCH DUNG****CÁP HỮU ÁNH**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		138.115.747.375	125.374.486.472
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(61.005.042.438)	(60.253.470.852)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(22.224.812.683)	(19.280.914.745)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(3.056.583.255)	(4.019.360.955)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(5.009.745.719)	(5.197.640.074)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.251.679.394	2.141.763.028
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(35.632.978.474)	(26.726.219.097)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		16.438.264.200	12.038.643.777
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.169.053.948)	(5.749.321.102)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		618.722.471	130.509.090
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7.920.781.421)	(979.218.579)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.448.019.183	2.178.478.221
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.023.093.715)	(4.419.552.370)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		84.960.391.778	58.158.196.459
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(75.929.069.610)	(65.400.502.733)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.184.644.045)	(6.902.765.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.153.321.877)	(14.145.072.024)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(4.738.151.392)	(6.525.980.617)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.703.970.489	22.229.951.106
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		10.965.819.097	15.703.970.489

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRỊNH BÍCH DUNG

TP.Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2012
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁP HỮU ÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP. Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là Công ty) được chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 736/QĐ-TTg ngày 15 tháng 06 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP. Hồ Chí Minh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000594 ngày 10 tháng 09 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 26 tháng 03 năm 2012.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, gia công sản xuất bao bì dược phẩm;
- Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật;
- Cho thuê mặt bằng;
- Đầu tư, kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở;
- Cho thuê văn phòng;
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

+ Đối với Thành phẩm: Đơn vị lập dự phòng theo tỷ lệ 100% giá trị của hàng tồn kho đã hết hạn sử dụng, hàng hư hỏng do trong quá trình lưu trữ, hàng còn thời hạn sử dụng khoảng 09 tháng.

+ Đối với Nguyên vật liệu: Đơn vị lập dự phòng theo tỷ lệ 100% giá trị của hàng tồn kho do không đạt chất lượng và hàng đã hết hạn sử dụng.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 06 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 – 03 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
+ Quyền sử dụng đất	48 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn cổ đông góp cổ phần tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:
 - + Quỹ đầu tư phát triển được trích với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế.
 - + Quỹ dự phòng tài chính được trích với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế và không vượt quá 10% vốn điều lệ.
 - + Quỹ khen thưởng được trích với tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế.
 - + Quỹ phúc lợi được trích với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế.
- Ghi nhận cổ tức theo nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 14 tháng 01 năm 2013: tỷ lệ tạm chia cổ tức năm 2012 là 16% trên vốn điều lệ của Công ty.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành;
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 là 25%.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	311.455.400	74.234.000
Tiền gửi ngân hàng	3.654.363.697	2.629.736.489
Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000	13.000.000.000
Tổng cộng	10.965.819.097	15.703.970.489

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 9%/năm.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	28.359.353.639	27.903.697.463
Trả trước cho người bán	921.707.352	1.065.103.201
Các khoản phải thu khác	429.650.886	1.002.614.330
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	29.710.711.877	29.971.414.994
Dự phòng phải thu khó đòi	(467.438.192)	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	29.243.273.685	29.971.414.994

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	16.536.697.193	18.952.973.627
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.105.134.311	3.754.021.627
Thành phẩm	17.098.938.510	6.417.082.272
Hàng hóa	-	29.330.614
Cộng giá gốc hàng tồn kho	37.740.770.014	29.153.408.140
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(323.172.620)	(209.658.317)
Giá trị thuần có thể thực hiện	37.417.597.394	28.943.749.823

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	ĐVT: ngàn đồng				
	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	40.376.745	40.379.987	4.373.399	5.504.080	90.634.211
Mua trong năm	183.202	5.348.470	1.756.268	82.025	7.369.965
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(3.015.588)	-	-	-	(3.015.588)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.136.349)	(34.685)	(1.171.034)
Số dư cuối năm	37.544.359	45.728.457	4.993.318	5.551.420	93.817.554
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.293.645	31.394.064	3.669.760	5.093.645	52.451.114
Khấu hao trong năm	1.591.021	3.400.768	653.411	268.235	5.913.435
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.112.377)	-	-	-	(2.112.377)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.116.552)	(34.685)	(1.151.237)
Số dư cuối năm	11.772.289	34.794.832	3.206.619	5.327.195	55.100.935
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	28.083.100	8.985.923	703.639	410.435	38.183.097
Tại ngày cuối năm	25.772.070	10.933.625	1.786.699	224.225	38.716.619

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 25.772.070.373 đồng- xem thêm mục 5.9 và 5.15

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 31.770.494.331 đồng.

(phần tiếp theo ở trang 15)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	4.589.050.091	679.666.760	5.268.716.851
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-
Số dư cuối năm	4.589.050.091	679.666.760	5.268.716.851
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	542.635.340	542.635.340
Khấu hao trong năm	-	137.031.420	137.031.420
Số dư cuối năm	-	679.666.760	679.666.760
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4.589.050.091	137.031.420	4.726.081.511
Tại ngày cuối năm	4.589.050.091	-	4.589.050.091

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 679.666.760 đồng

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Dự án 90 Hùng Vương	34.046.364	34.046.364
Sửa kho Lý Thường Kiệt	4.766.568.979	39.556.000
Máy đóng nang	-	1.414.513.971
Máy trộn siêu tốc, máy sấy tầng sôi	2.788.759.844	-
Tổng cộng	7.589.375.187	1.488.116.335

5.7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.592.972.908	20.372.309.270	40.965.282.178
Tài sản cố định hữu hình chuyển sang	-	3.015.587.800	3.015.587.800
Số dư cuối năm	20.592.972.908	20.372.309.270	43.980.869.978
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	432.452.436	8.656.896.890	9.089.349.326
Tăng trong năm	432.452.436	2.797.859.791	3.230.312.227
Số dư cuối năm	864.904.872	11.454.756.681	12.319.661.553
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	20.160.520.472	11.715.412.380	31.875.932.852
Tại ngày cuối năm	19.728.068.036	11.933.140.389	31.661.208.425

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.989.123.482 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh	14.100.000.000	6.179.218.579
Đầu tư dài hạn khác	90.000.000	90.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	14.190.000.000	6.269.218.579
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	14.190.000.000	6.269.218.579

Đầu tư vào công ty liên doanh bao gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
Góp vốn bằng tài sản cố định	4.200.000.000	4.200.000.000
Góp vốn bằng tiền	1.000.000.000	1.000.000.000
Cần trừ công nợ	8.900.000.000	979.218.579
Cộng	14.100.000.000	6.179.218.579

Đầu tư vào công ty liên doanh là khoản đầu tư vào Cty TNHH Đầu Tư Nam Thiên Phát theo hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh khu phức hợp tại 136 Lý Chính Thắng với Công ty TNHH XD- TM –DV G.B. Theo hợp đồng, Công ty Dược Phẩm 2/9 góp 40% vốn điều lệ, trong đó, góp vốn bằng tài sản cố định là công trình kiến trúc trên đất tại 136 Lý Chính Thắng với giá trị do hai bên góp vốn đánh giá là 4.200.000.000 đồng.

Đầu tư dài hạn khác là đầu tư cổ phiếu các công ty.

5.9. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	21.200.581.797	14.149.668.056
Vay đối tượng khác	2.802.400.000	1.634.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.15	1.320.000.000	1.320.000.000
Tổng cộng	25.322.981.797	17.103.668.056

Các khoản vay ngân hàng được thế chấp bằng tài sản cố định tọa lạc tại 299/22 Lý Thường Kiệt. Các khoản vay này chịu lãi suất từ 11%/năm. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động – Xem thêm mục 5.4.

Các khoản vay đối tượng khác chịu lãi suất 11%/năm, không có đảm bảo bằng tài sản.

5.10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	-	157.198.213
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.292.656.328	2.009.745.719
Thuế thu nhập cá nhân	111.911.570	15.187.118
Tiền thuê đất	558.096.000	-
Tổng cộng	3.962.663.898	2.182.131.050

5.11. Phải trả người lao động

Là khoản trích lập quỹ dự phòng tiền lương phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ tức phải trả	2.739.974.658	5.044.618.703
Chi phí trích trước	2.973.741.834	1.604.314.287
Tài sản thừa chờ xử lý	50.782.423	53.728.922
Các khoản phải trả, phải nộp khác	412.630.779	95.165.086
Tổng cộng	6.177.129.694	6.797.826.998

5.13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	4.012.272.504	3.917.275.332
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.430.834.244	3.360.156.703
Trích lập thù lao hội đồng quản trị	857.708.561	840.039.176
Tặng khác	7.230.000	2.100.000
Sử dụng trong năm	(4.303.995.665)	(4.107.298.707)
Số dư cuối năm	4.004.049.644	4.012.272.504

5.14. Phải trả dài hạn khác

	Năm nay	Năm trước
Nhận góp vốn thực hiện dự án	1.500.000.000	1.500.000.000
Nhận ký quỹ thuê mặt bằng	742.696.320	710.309.400
Nhận ký quỹ gia công	55.000.000	20.000.000
Số dư cuối năm	2.297.696.320	2.230.309.400

Nhận góp vốn thực hiện dự án là khoản tiền nhận của Công ty TNHH XD- TM- DV G.B để góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Nam Thiên Phát theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh.

5.15. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	3.493.183.678	2.681.175.251
Nợ dài hạn khác	3.960.880.023	5.280.880.023
Tổng cộng	7.454.063.701	7.962.055.274

Các khoản vay ngân hàng được thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại nhà máy Quận 2. Các khoản vay này chịu lãi suất từ 14.5%/năm – Xem thêm mục 5.4.

Nợ dài hạn khác là khoản nợ Công ty TNHH XD- TM- DV G.B về chi phí xây dựng Công trình 78-80 CMT8, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2012 là 1.320 triệu đồng - Xem thêm mục 5.9. Khoản nợ này sẽ được cần trừ với tiền cho thuê nhà hàng năm tại địa chỉ 78-80 CMT8.

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	ĐVT: triệu đồng					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ DPTC	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	55.500	17.381	20.204	4.374	4.672	102.131
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	16.764	16.764
Trích quỹ	-	-	1.680	840	(2.520)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.360)	(3.360)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(8.325)	(8.325)
Giảm khác	-	-	-	-	(840)	(840)
Số dư đầu năm nay	55.500	17.381	21.884	5.214	6.391	106.370
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	17.537	17.537
Trích quỹ	-	-	858	335	(1.193)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.431)	(3.431)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(8.880)	(8.880)
Giảm khác	-	-	-	-	(858)	(858)
Số dư cuối năm nay	55.500	17.381	22.742	5.550	9.566	110.738

5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	16.095.000.000	16.095.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	39.405.000.000	39.405.000.000
Tổng cộng	55.500.000.000	55.500.000.000

5.16.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	5.550.000	5.550.000
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra	5.550.000	5.550.000
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	5.550.000	5.550.000

5.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	17.536.768.711	16.763.881.989
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	5.550.000	5.550.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	3.160	3.021

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	6.390.472.404	4.671.903.821
Lợi nhuận sau thuế trong năm	17.536.768.711	16.763.881.989
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(857.708.561)	(1.680.078.351)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(335.262.122)	(840.039.176)
Trích lập Quỹ khen thưởng	(2.573.125.683)	(2.520.117.527)
Trích lập Quỹ phúc lợi	(857.708.561)	(840.039.176)
Chia cổ tức	(8.880.000.000)	(8.325.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị	(857.708.561)	(840.039.176)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	9.565.727.627	6.390.472.404

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng sản xuất	140.687.090.635	135.456.952.986
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	7.443.000	121.094.280
Doanh thu bán hàng hóa	105.633.686	395.374.387
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	4.511.577.681	3.754.529.542
Chiết khấu thương mại	(2.599.850.562)	(1.127.027.883)
Giảm giá hàng bán	-	(100.370.498)
Hàng bán bị trả lại	(417.817.596)	(231.920.624)
Doanh thu thuần	142.294.076.844	138.268.632.190

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa	100.530.846	374.857.850
Giá vốn của thành phẩm	82.524.020.174	91.429.633.024
Giá vốn dịch vụ gia công	6.702.600	52.047.891
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	3.332.091.597	1.489.839.085
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	(45.415.288)	(414.233.004)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	113.514.303	(92.324.269)
Tổng cộng	86.031.444.232	92.839.820.577

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.418.319.183	2.399.402.769
Cổ tức, lợi nhuận được chia	29.700.000	13.200.000
Chiết khấu thanh toán	30.066.861	38.634.678
Tổng cộng	1.478.086.044	2.451.237.447

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.056.583.255	4.019.360.955
Chiết khấu thanh toán	174.198.503	85.892.417
Tổng cộng	3.230.781.758	4.105.253.372

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.506.828.429	3.938.970.823
Chi phí vật liệu, đồ dùng	234.116.701	143.756.752
Khấu hao tài sản cố định	413.981.543	389.666.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	788.374.200	712.258.668
Chi phí bằng tiền khác	10.813.530.891	6.704.266.636
Tổng cộng	17.756.831.764	11.888.919.365

6.6. Chi phí quản lý

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.247.729.996	6.891.998.769
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	307.438.165	79.356.066
Khấu hao tài sản cố định	844.327.597	448.053.437
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.053.843.320	1.444.432.055
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	467.438.192	83.732.475
Chi phí bằng tiền khác	2.814.888.648	1.785.540.603
Tổng cộng	13.735.665.918	10.733.113.405

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	23.446.827.547	21.310.529.231
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	3.357.812.050	1.631.351.404
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(1.604.314.287)	(2.186.900.477)
Trừ thu nhập không chịu thuế	(29.700.000)	(13.200.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	25.170.625.310	20.741.780.158
<i>Thu nhập tính thuế chịu thuế 20%</i>	-	13.513.986.414
<i>Thu nhập tính thuế chịu thuế 25%</i>	25.170.625.308	7.227.793.744
Thuế TNDN chịu thuế suất 20%	-	2.702.797.283
Thuế TNDN chịu thuế suất 25%	6.292.656.328	1.806.948.436
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	6.292.656.328	4.509.745.719

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.8. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Chi phí trích trước	Dự phòng	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	(437.980.095)	-	(437.980.095)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	36.901.523	-	36.901.523
Số dư đầu năm nay	(401.078.572)	-	(401.078.572)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	(342.356.887)	(40.240.605)	(382.597.492)
Số dư cuối năm nay	(743.435.459)	(40.240.605)	(783.676.064)

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.357.957.615	59.902.863.087
Chi phí nhân công	29.941.645.335	22.831.639.718
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.168.401.841	7.122.168.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.212.091.178	4.007.183.333
Chi phí khác bằng tiền	17.195.331.526	12.189.540.562
Chi phí mua ngoài hàng hóa	100.530.846	374.857.850
Dự phòng hàng tồn kho	113.514.303	(92.324.269)
Dự phòng nợ phải thu	467.438.192	-
Tổng cộng	128.556.910.836	106.335.928.640

7. Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	524.500.000	467.500.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.212.209.410	977.339.796

8. Công cụ tài chính

▪ Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

▪ Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.11

(phần tiếp theo ở trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.965.819.097	15.703.970.489
Phải thu khách hàng	28.359.353.639	27.903.697.463
Đầu tư dài hạn	14.190.000.000	6.269.218.579
Tài sản tài chính khác	44.654.543	44.654.543
Tổng cộng	53.559.827.279	49.921.541.074
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	27.496.165.475	18.464.843.307
Phải trả người bán	8.949.110.462	7.874.243.782
Nợ ngắn hạn và dài hạn	5.280.880.023	6.600.880.023
Công nợ tài chính khác	2.297.696.320	2.230.309.400
Chi phí trích trước	2.973.741.834	1.604.314.287
Tổng cộng	46.997.594.114	36.774.590.799

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Các khoản vay	24.002.981.797	3.493.183.678	27.496.165.475
Phải trả người bán	8.949.110.462	-	8.949.110.462
Nợ ngắn hạn và dài hạn	1.320.000.000	3.960.880.023	5.280.880.023
Công nợ tài chính khác	-	2.297.696.320	2.297.696.320
Chi phí trích trước	2.973.741.834	-	2.973.741.834

01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Các khoản vay	15.783.668.056	2.681.175.251	18.464.843.307
Phải trả người bán	7.874.243.782	-	7.874.243.782
Nợ ngắn hạn và dài hạn	1.320.000.000	5.280.880.023	6.600.880.023
Công nợ tài chính khác	-	2.230.309.400	2.230.309.400
Chi phí trích trước	1.604.314.287	-	1.604.314.287

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng	28.359.353.639	-	28.359.353.639
Đầu tư dài hạn	-	14.190.000.000	14.190.000.000
Tài sản tài chính khác	-	44.654.543	44.654.543

01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng	27.903.697.463	-	27.903.697.463
Đầu tư dài hạn	-	6.269.218.579	6.269.218.579
Tài sản tài chính khác	-	44.654.543	44.654.543

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 19 tháng 03 năm 2013.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRỊNH BÍCH DUNG

CÁP HỮU ÁNH